

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ
ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch Công ty
Ông Nguyễn Trung Tri	Ủy viên
Ông Bùi Minh Chính	Ủy viên
Ông Trần Hữu Giang	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Minh Chính	Giám đốc
Ông Trần Hữu Giang	Phó Giám đốc
Ông Ngô Phan Hòa Bình	Phó Giám đốc
Ông Lê Lân	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Khắc mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Minh Chính

Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Số: 134/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu Khí (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 29. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong năm 2012, Công ty đã hạch toán bù trừ công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (“PVC-SG”) và nợ phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú với số tiền 18.927.755.598 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vấn đề này vẫn chưa được đối chiếu và xử lý xong. Theo đó, kết luận ngoại trừ cho khoản mục này vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.


Như đã nêu tại Thuyết minh số 8, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản phải thu khác bao gồm một số khoản phải thu tiền phạt do chậm tiến độ từ các bên thi công công trình theo các điều khoản của hợp đồng với số tiền là 61.548.840.990 đồng vẫn chưa được các bên thi công xác nhận đến ngày lập báo cáo này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp bằng các thủ tục soát xét khác về các số liệu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh các số liệu này hay không.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ee-Dinh Tú
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 27 tháng 8 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2110-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃU B 01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		316.036.591.676	362.425.544.558
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.354.060.742	20.559.872.440
1. Tiền	111		3.853.344.915	5.336.408.615
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.500.715.827	15.223.463.825
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.635.436.640	194.065.628.270
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	71.179.553.099	116.925.133.988
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.345.310.256	7.851.403.095
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	97.501.058.943	88.679.576.845
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(19.390.485.658)	(19.390.485.658)
III. Hàng tồn kho	140	9	121.008.894.151	131.288.752.824
1. Hàng tồn kho	141		122.799.004.740	131.288.752.824
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.790.110.589)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.038.200.143	16.511.291.024
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	16.707.509.523	9.353.326.879
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	7.330.690.620	7.157.964.145
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.216.691.205.336	1.197.533.417.767
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		212.035.256.953	190.716.348.502
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	187.381.903.968	169.448.618.086
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	24.653.352.985	21.267.730.416
II. Tài sản cố định	220		105.952.453.148	108.285.993.046
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	85.242.483.813	87.319.960.357
- Nguyên giá	222		99.797.330.921	99.797.330.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.554.847.108)	(12.477.370.564)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	20.709.969.335	20.966.032.689
- Nguyên giá	228		22.307.922.825	22.307.922.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.597.953.490)	(1.341.890.136)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	4.774.851.716	4.871.169.680
- Nguyên giá	231		5.256.441.535	5.256.441.535
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(481.589.819)	(385.271.855)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		156.136.041.061	153.948.312.084
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	156.136.041.061	153.948.312.084
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	731.161.885.055	732.201.541.721
1. Đầu tư vào công ty con	251		708.217.000.000	708.217.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		36.000.000.000	36.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.055.114.945)	(12.015.458.279)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.630.717.403	7.510.052.734
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	6.630.717.403	7.510.052.734
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.532.727.797.012	1.559.958.962.325

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ B 01a-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		677.530.296.485	671.815.416.853
I. Nợ ngắn hạn	310		361.397.233.882	532.787.517.082
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	27.839.403.835	20.505.972.125
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.248.802.922	2.928.056.964
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	8.716.994.788	15.956.736.264
4. Phải trả người lao động	314		819.052.508	837.071.172
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	86.558.544.752	144.128.689.126
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	166.662.196.119	169.337.164.066
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	20	64.552.238.958	179.093.827.365
II. Nợ dài hạn	330		316.133.062.603	139.027.899.771
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	18	70.889.081.038	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	14.616.924.899	14.808.035.809
3. Phải trả dài hạn khác	337	19	2.282.207.767	2.008.062.447
4. Vay và nợ dài hạn	338	22	228.344.848.899	122.211.801.515
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		855.197.500.527	888.143.545.472
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	855.197.500.527	888.143.545.472
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(7.866.485.920)	(7.866.485.920)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.458.924.626	23.458.924.626
4. Lỗi lũy kế	421		(160.394.938.179)	(127.448.893.234)
- Lỗi sau thuế lũy kế đến cuối năm trước	421a		(127.448.893.234)	(129.663.279.534)
- Lỗi sau thuế kỳ này	421b		(32.946.044.945)	2.214.386.300
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.532.727.797.012	1.559.958.962.325

Người lập biểu/ Kế toán trưởng
 Phạm Thúy Nga



Giám đốc
 Bùi Minh Chính
 Ngày 27 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

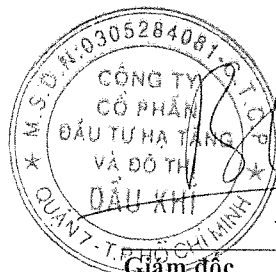
MẪU B 02a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	22.708.956.583	53.047.854.283
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	3.205.221	6.009.151.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		22.705.751.362	47.038.702.783
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	22.988.072.139	45.946.897.022
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(282.320.777)	1.091.805.761
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1.260.802.738	1.611.729.447
7. Chi phí tài chính	22	28	21.880.342.496	26.242.541.553
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.840.685.830	25.286.080.175
8. Chi phí bán hàng	25		30.436.364	3.910.459.996
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	15.663.236.764	8.127.892.752
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(36.595.533.663)	(35.577.359.093)
11. Thu nhập khác	31	30	6.948.747.069	30.646.677.189
12. Chi phí khác	32	30	3.299.258.351	9.609.315.413
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.649.488.718	21.037.361.776
14. Lỗ trước thuế (50=30+40)	50		(32.946.044.945)	(14.539.997.317)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	-	-
16. Lỗ sau thuế (60=50-51)	60		(32.946.044.945)	(14.539.997.317)



Người lập biểu/ Kế toán trưởng
Phạm Thúy Nga



Giám đốc

Bùi Minh Chính

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

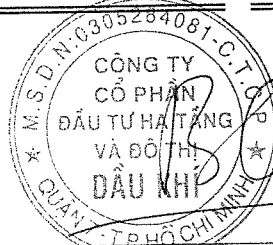
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. <i>Lỗ trước thuế</i>	01	(32.946.044.945)	(14.539.997.317)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.429.857.862	3.166.826.023
Các khoản dự phòng	03	2.829.767.255	(2.698.856.643)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.260.802.738)	(10.451.153.486)
Chi phí lãi vay	06	20.840.685.830	25.286.080.175
3. <i>(Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(8.106.536.736)	762.898.752
Giảm các khoản phải thu	09	17.087.534.185	26.532.593.622
Giảm hàng tồn kho	10	8.489.748.084	3.133.799.355
Giảm các khoản phải trả	11	(5.599.464.147)	(25.021.813.311)
Tăng chi phí trả trước	12	(6.474.847.313)	(1.561.029.403)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.337.387.088)	(2.519.073.618)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	274.145.320	677.490.939
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(206.098.397)	(1.824.978.282)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	4.127.093.908	179.888.054
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.187.728.977)	(1.327.527.452)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	21.666.843.975
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	980.430.000
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	317.923.654	573.793.148
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(1.869.805.323)	21.893.539.671
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.408.541.023)	(46.242.938.713)
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(54.559.260)	(15.485.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(8.463.100.283)	(46.258.423.713)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	(6.205.811.698)	(24.184.995.988)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.559.872.440	38.716.899.012
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	14.354.060.742	14.531.903.024

Người lập biểu/ Kế toán trưởng
Phạm Thúy Nga



Giám đốc
Bùi Minh Chính
Ngày 27 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 95 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 102 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có một chi nhánh để quản lý bất động sản, vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi nhánh được đặt tại cùng tòa nhà trên.

Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Quyền sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty cùng với tình hình góp vốn điều lệ vào các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày ở Thuyết minh số 15.

Hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư, tư vấn giám sát;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sản giao dịch bất động sản;
- Dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng đối với hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản và dưới 12 tháng đối với các hoạt động kinh doanh khác.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty; vì vậy Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản nhận ký quỹ, ký cược.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án với mục đích xây dựng để bán trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn dựa trên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí đền bù, chi phí giải tỏa, chi phí xây dựng, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng dự án. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	4

Thuê tài sản

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 45 năm cho quyền sử dụng đất và 25 năm cho nhà cửa vật và kiến trúc.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là một công ty mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền kiểm soát.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận theo số tiền thực góp theo thỏa thuận của hợp đồng.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

500-0
NHÀ N
IG TY
EH HVL
ITTI
NAM
HỒ C

Mali

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	117.470.816	117.133.346
Tiền gửi ngân hàng	3.735.874.099	5.219.275.269
Các khoản tương đương tiền (i)	<u>10.500.715.827</u>	<u>15.223.463.825</u>
	<u><u>14.354.060.742</u></u>	<u><u>20.559.872.440</u></u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất là 5.2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 4% - 6.5%/năm).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	71.179.553.099	116.925.133.988
<i>Dự án chung cư Petroland Quận 2</i>	<i>23.701.517.353</i>	<i>10.408.478.668</i>
<i>Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng ("TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng")</i>	<i>38.171.249.117</i>	<i>97.791.929.098</i>
<i>Dự án chung cư Mỹ Phú Quận 7</i>	<i>63.736.023</i>	<i>59.502.851</i>
<i>Khác</i>	<i>9.243.050.606</i>	<i>8.665.223.371</i>
b. Phải thu khách hàng dài hạn	187.381.903.968	169.448.618.086
<i>Dự án chung cư Petroland Quận 2</i>	<i>33.360.807.395</i>	<i>63.394.700.300</i>
<i>Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng</i>	<i>154.021.096.573</i>	<i>105.857.485.969</i>
<i>Khác</i>	-	<i>196.431.817</i>
c. Phải thu khách hàng là bên liên quan	8.138.641.905	8.138.641.905
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú</i>	<i>2.429.107.341</i>	<i>2.429.107.341</i>
<i>Tổng Công ty Dầu Việt Nam</i>	<i>4.991.026.528</i>	<i>4.991.026.528</i>
<i>Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam</i>	<i>718.508.036</i>	<i>718.508.036</i>
	<u><u>258.561.457.067</u></u>	<u><u>286.373.752.074</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a -DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. NỢ XẤU

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Năng lượng VINABENNY	27.818.196.227	10.013.213.414	27.818.196.227	10.013.213.414
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	3.402.140.670	2.114.298.205	3.402.140.670	2.114.298.205
Công ty Cổ phần Năng lượng VINABENNY	611.009.573	313.349.193	611.009.573	313.349.193

8. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn	97.501.058.943	88.679.576.845
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	11.835.060.161	6.274.726.828
Phải thu tiền lãi phạt do chậm tiến độ, chậm thanh toán và thanh lý hợp đồng	83.982.498.640	80.914.910.963
Công ty Cổ phần Năng lượng VINABENNY	7.667.023.947	4.599.436.270
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí ("PVC-Metal") (*)	26.910.263.916	26.910.263.916
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí ("PVC-PT") (**)	5.371.985.341	5.371.985.341
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn ("PVC-SG") (**)	44.033.225.436	44.033.225.436
Trích trước lãi phải thu	-	78.076.818
Phải thu khác	1.683.500.142	1.411.862.236
b. Dài hạn	24.653.352.985	21.267.730.416
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	74.200.000	74.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	18.078.032.985	14.692.410.416
Công ty TNHH Bệnh Viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	6.501.120.000	6.501.120.000
	122.154.411.928	109.947.307.261

(*) Khoản mục này bao gồm:

- Số tiền 14.766.633.703 đồng là khoản phải thu từ PVC - Metal do phạt chậm tiến độ tại dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng theo biên bản làm việc và phụ lục quyết toán hợp đồng ngày 04 tháng 6 năm 2014 về việc quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế của PVC - Metal.

- Số tiền 12.143.630.213 đồng là khoản phải thu từ PVC - Metal do phạt chậm tiến độ tại dự án chung cư Petroland Quận 2 được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng và chưa có quyết toán xác nhận.

(**) Khoản phải thu từ PVC-PT và PVC-SG với số tiền lần lượt là 5.371.985.341 đồng và 44.033.225.436 đồng là khoản lãi phạt do chậm tiến độ được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng và chưa có quyết toán xác nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND		VND
Nguyên liệu, vật liệu	201.861.014	-	186.067.968	-
Công cụ, dụng cụ	84.311.801	-	46.435.801	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.502.871.319	-	7.319.810.888	-
Hàng hóa	115.009.960.606	(1.790.110.589)	123.736.438.167	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Dự án chung cư Petroland Quận 2</i>	<i>7.808.925.948</i>	<i>(1.790.110.589)</i>	<i>16.535.403.509</i>	-
<i>Dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng</i>	<i>107.201.034.658</i>	-	<i>107.201.034.658</i>	-
	122.799.004.740	(1.790.110.589)	131.288.752.824	-

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư cho Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2015		31/12/2014	
		VND		VND
a) Ngắn hạn	16.707.509.523		9.353.326.879	
- Chi phí lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy	4.961.577.754		2.745.929.320	
- Chiết khấu chưa phân bổ	6.592.699.326		6.592.699.326	
- Chi phí tư vấn	4.451.354.557		-	
- Khác	701.877.886		14.698.233	
b) Dài hạn	6.630.717.403		7.510.052.734	
- Chi phí sửa chữa văn phòng	6.524.904.695		7.340.517.781	
- Chi phí trả trước dài hạn khác	105.812.708		169.534.953	
	23.338.226.926		16.863.379.613	

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015 và tại ngày 30/6/2015	94.356.799.264	850.378.446	4.034.159.711	555.993.500	99.797.330.921
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	7.548.631.348	733.646.526	3.930.934.022	264.158.668	12.477.370.564
Khấu hao trong kỳ	1.887.135.990	51.840.026	103.225.688	35.274.840	2.077.476.544
Tại ngày 30/6/2015	9.435.767.338	785.486.552	4.034.159.710	299.433.508	14.554.847.108
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2015	84.921.031.926	64.891.894	I	256.559.992	85.242.483.813
Tại ngày 31/12/2014	86.808.167.916	116.731.920	103.225.689	291.834.832	87.319.960.357

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.269.084.203 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.269.084.203 đồng).

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp quyền toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư cho Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Total VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015			
và tại ngày 30/6/2015	21.928.202.825	379.720.000	22.307.922.825
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	974.586.792	367.303.344	1.341.890.136
Khấu hao trong kỳ	243.646.698	12.416.656	256.063.354
Tại ngày 30/6/2015	1.218.233.490	379.720.000	1.597.953.490
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	<u>20.709.969.335</u>	-	<u>20.709.969.335</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>20.953.616.033</u>	<u>12.416.656</u>	<u>20.966.032.689</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 379.720.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 267.970.000 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015			
và tại ngày 30/6/2015	991.222.548	4.265.218.987	5.256.441.535
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	56.700.581	328.571.274	385.271.855
Trích khấu hao trong kỳ	11.013.584	85.304.380	96.317.964
Tại ngày 30/6/2015	67.714.165	413.875.654	481.589.819
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	<u>923.508.383</u>	<u>3.851.343.333</u>	<u>4.774.851.716</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>934.521.967</u>	<u>3.936.647.713</u>	<u>4.871.169.680</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với mục đích thu lợi từ việc cho thuê mà không phải để sử dụng trong cung cấp hàng hóa dịch vụ hoặc sử dụng cho mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ kinh doanh bình thường. Bất động sản đầu tư là tòa nhà được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên giá bất động sản đầu tư được tạm ghi nhận dựa trên chi phí thực tế phát sinh. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện việc quyết toán giá trị công trình này với cơ quan có thẩm quyền. Nguyên giá của bất động sản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vẫn chưa được xác định vì Công ty chưa thực hiện định giá những bất động sản này và không có tài sản so sánh cùng loại để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành thuộc sở hữu Công ty trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là giá trị dự án khu Đô thị mới Dầu khí Vũng Tàu đặt tại Phường 10 và 11, Thành phố Vũng Tàu có tổng diện tích khoảng 69,46 ha. Tổng giá trị đầu tư dự kiến là 1.500 tỷ đồng bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất, chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thuế, lãi vay và các chi phí khác. Chi phí phát sinh đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là chi phí liên quan đến bồi thường và giải phóng mặt bằng.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào công ty con (i)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	157.325.000.000	157.325.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	350.504.480.000	350.504.480.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	200.387.520.000	200.387.520.000
Đầu tư dài hạn khác (ii)		
Dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp	36.000.000.000	36.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(13.055.114.945)	(12.015.458.279)
	<u>731.161.885.055</u>	<u>732.201.541.721</u>

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ		Hoạt động chính
		Tỷ lệ phần sở hữu %	quyền biểu quyết nắm giữ %	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	Thành phố Hồ Chí Minh	89,90%	89,90%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	Thành phố Hồ Chí Minh	79,90%	79,90%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa	62,19%	62,19%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***(i) Đầu tư công ty con**

Khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

- a) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã góp 157.325.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 157.325.000.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ 175.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, tương đương với 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú với số tiền là 2.974.830.659 đồng.

- b) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long tại Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 399.500.000.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương với 79,9% quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã góp 350.504.480.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 350.504.480.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ đăng ký tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 319/2010/HĐ-PETROLAND ký ngày 06 tháng 8 năm 2010 và các phụ lục hợp đồng giữa Công ty và Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh ("Vũ Anh") để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long nhằm thực hiện dự án Khu nhà ở cao tầng và công trình công cộng tại Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh thì Vũ Anh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long thực hiện dự án với thời hạn cuối cùng là ngày 30 tháng 6 năm 2012 và Vũ Anh đồng thời chịu trách nhiệm đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích đất mà hai bên thống nhất hợp tác đầu tư. Công ty đã thanh toán cho Vũ Anh số tiền 345 tỷ đồng và sẽ thanh toán số tiền còn lại khoảng 49 tỷ đồng khi Vũ Anh cung cấp quyết định giao đất của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, bên Vũ Anh vẫn chưa thực hiện xong các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long với số tiền là 4.660.012.653 đồng.

- c) Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4200734936 cấp ngày 02 tháng 02 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tại Số 67 Đường Mê Linh, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang là 315.425.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 196.150.000.000 đồng, tương đương với 62,19% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã góp 200.387.520.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 200.387.520.000 đồng). Căn cứ vào Nghị quyết số 953/NQ-XLDK ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí ("PVC") về việc chấp thuận chủ trương sẽ chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với giá chuyển nhượng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần). Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang tìm kiếm đối tác để thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp nêu trên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với số tiền là 5.420.271.375 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trà, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***(ii) Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là tiền góp vốn hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng tại Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Trong đó, tỷ lệ vốn góp của Công ty theo hợp đồng là 30% (tương đương 48.825.000.000 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Ban Giám đốc xác định không có các dấu hiệu cho thấy sự giảm giá của khoản đầu tư này. Vì vậy, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	4.789.994.471	4.789.994.471	4.789.994.471	4.789.994.471
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí	6.649.676.824	6.649.676.824	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	8.949.755.062	8.949.755.062	8.949.755.062	8.949.755.062
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	5.449.977.478	5.449.977.478	4.766.222.592	4.766.222.592
	27.839.403.835	27.839.403.835	20.505.972.125	20.505.972.125

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải thu/nộp trong kỳ	Số đã thực thu/nộp trong kỳ	30/6/2015
	VND			VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.157.964.145	-	-	7.157.964.145
Thuế thu nhập cá nhân	-	172.726.475	-	172.726.475
	7.157.964.145	172.726.475	-	7.330.690.620
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	15.752.043.723	479.601.068	7.514.650.003	8.716.994.788
Thuế thu nhập cá nhân	204.692.541	182.465.707	387.158.248	-
	15.956.736.264	662.066.775	7.901.808.251	8.716.994.788

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn	86.558.544.752	144.128.689.126
Chi phí trích trước dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	10.469.609.911	16.969.316.115
Chi phí trích trước dự án Petroland Quận 2	30.278.224.537	30.854.153.483
Chi phí lãi vay phải trả	40.746.548.060	92.355.311.907
Chi phí trích trước khác	5.064.162.244	3.949.907.621
b) Dài hạn	70.889.081.038	-
Chi phí lãi vay phải trả	70.889.081.038	-
	157.447.625.790	144.128.689.126

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	166.662.196.119	169.337.164.066
Tiền đặt cọc	-	2.891.742.256
Phải trả Công ty Cổ phần Năng Lượng VINABENNY do thanh lý hợp đồng	4.599.436.270	4.599.436.270
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (*)	89.483.796.551	89.486.645.551
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú (thu hộ)	10.850.000.327	10.850.000.327
Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh	26.059.110	6.198.750
Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh	9.611.627.197	9.611.627.197
Quỹ bảo trì dự án TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	8.322.452.134	7.986.196.726
Quỹ bảo trì dự án Petroland Quận 2	9.069.940.561	8.379.484.284
Cổ tức phải trả	28.557.008.100	28.611.567.360
- Trong đó: Cổ tức phải trả PVC	14.405.852.000	14.405.852.000
Tiền phạt chậm bàn giao dự án Petroland Quận 2	859.481.288	845.576.175
Doanh thu chưa thực hiện	382.221.820	344.208.184
Phải trả khác	4.900.172.762	5.724.480.986
b) Dài hạn	2.282.207.767	2.008.062.447
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.282.207.767	2.008.062.447
	<u>168.944.403.886</u>	<u>171.345.226.513</u>

(*) Số dư phải trả khác cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thể hiện khoản vay lại của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thông qua nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (“OceanBank”). Khoản vay này được dùng để mua lại 5.635.000 cổ phần (trị giá 60.587.520.000 đồng) từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang cho Công ty. Số tiền còn lại là 28.835.361.369 đồng là khoản hỗ trợ vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam cho Công ty trong thời gian không quá 3 tháng kể từ ngày khoản hỗ trợ đầu tiên được giải ngân với lãi suất hỗ trợ 13,5%/năm.

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay và nợ ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện khoản nợ dài hạn đến hạn trả thể hiện khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hồ Chí Minh (“Baoviet Bank Hồ Chí Minh”) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (“VietinBank Hồ Chí Minh”) đến hạn trả với số tiền lần lượt là 20.735.238.958 đồng và 43.817.000.000 đồng.

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện doanh thu nhận trước từ khách hàng theo hợp đồng cho thuê văn phòng số 31/2014/HĐ-Petroland ngày 8 tháng 8 năm 2015. Thời hạn thuê từ ngày 04 tháng 8 năm 2014 đến ngày 15 tháng 12 năm 2058.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2015		Trong kỳ		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND		VND
Vay dài hạn	292.897.087.857	292.897.087.857	-	8.408.541.023	301.305.628.880	301.305.628.880
VietinBank Hồ Chí Minh	272.161.848.899	272.161.848.899	-	4.183.000.000	276.344.848.899	276.344.848.899
Baoviet Bank Hồ Chí Minh	20.735.238.958	20.735.238.958	-	4.225.541.023	24.960.779.981	24.960.779.981
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở thuyết minh số 20)	64.552.238.958	64.552.238.958	-	114.541.588.407	179.093.827.365	179.093.827.365
	228.344.848.899	228.344.848.899	-	122.950.129.430	122.211.801.515	122.211.801.515

Các khoản vay dài hạn được chi trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	64.552.238.958	179.093.827.365
Trong năm thứ hai	63.000.000.000	97.619.350.615
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	165.344.848.899	24.592.450.900
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	64.552.238.958	179.093.827.365
Số phải trả sau 12 tháng	228.344.848.899	122.211.801.515

Hợp đồng tín dụng ký với VietinBank Hồ Chí Minh ngày 07 tháng 01 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại Lô đất C6-A01 Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VietinBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/ năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản vay có số dư 272.161.848.899 đồng.

Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 09.102035/2015-HĐTĐ-SDDBS07/NHCT900-Petroland ngày 05 tháng 01 năm 2015, khoản vay tại ngân hàng Vietinbank Hồ Chí Minh được điều chỉnh thời hạn trả nợ theo lịch sau:

Lịch thanh toán cũ		Lịch thanh toán mới	
Ngày đáo hạn	Số tiền	Ngày đáo hạn	Số tiền
05/01/2015	111.752.397.999	31/12/2015	43.817.000.000
08/5/2015	20.000.000.000	31/12/2016	63.000.000.000
08/8/2015	20.000.000.000	31/12/2017	122.000.000.000
08/11/2015	20.000.000.000	31/12/2018	34.000.000.000
08/02/2016	20.000.000.000	31/12/2019	9.344.848.899
08/5/2016	20.000.000.000		
08/8/2016	20.000.000.000		
08/11/2016	20.000.000.000		
03/02/2017	24.592.450.900		
			272.161.848.899

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Khoản vay tại Baoviet Bank Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 0002/2011/HDDTD1/BVB03 và Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 19 tháng 3 năm 2014. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu (đến hạn và chưa đến hạn) thuộc sở hữu của Công ty phát sinh từ Dự án đầu tư xây dựng “Chung cư Petroland” tại Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 1003668.B.11.HĐCC.HCM ngày 30 tháng 12 năm 2011 và tài khoản tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 1003668.A.11.HĐCC.HCM ngày 30 tháng 12 năm 2011 và các phụ lục, văn bản có liên quan được ký kết giữa Công ty và Baoviet Bank Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản vay có số dư 20.735.238.958 đồng.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮUCổ phần:

Số lượng cổ phần Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 100.000.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
- Số lượng cổ phần được mua lại	1.134.920	1.134.920
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>1.134.920</i>	<i>1.134.920</i>
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	98.865.080	98.865.080
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>98.865.080</i>	<i>98.865.080</i>

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

<u>Tên cổ đông</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số vốn góp tại</u>	<u>Số vốn góp tại</u>
			<u>ngày 30/6/2015</u>	<u>ngày 31/12/2014</u>
	<u>Cổ phần</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	36.014.630	36,01	360.146.300.000	360.146.300.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	5.500	0,01	55.000.000	81.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.000.000	9,00	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6.900.000	6,90	69.000.000.000	69.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	461.200	0,46	4.612.000.000	4.696.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	2.348.200	2,35	23.482.000.000	50.000.000.000
Các đối tượng khác	45.270.470	45,27	452.704.700.000	426.076.700.000
Tổng	100.000.000	100	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>	<u>Quỹ dự phòng tài</u>	<u>Lỗi lũy kế</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>chính</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2014	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	11.729.462.313	11.729.462.313	(129.663.279.534)	885.929.159.172
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.214.386.300	2.214.386.300
Số dư tại ngày 31/12/2014	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	11.729.462.313	11.729.462.313	(127.448.893.234)	888.143.545.472
như được trình bày năm trước	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	11.729.462.313	11.729.462.313	(127.448.893.234)	888.143.545.472
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	11.729.462.313	(11.729.462.313)	-	-
Tại ngày 31/12/2014	1.000.000.000.000	(7.866.485.920)	23.458.924.626	-	(127.448.893.234)	888.143.545.472
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	(32.946.044.945)	(32.946.044.945)
Tại ngày 30/6/2015	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>(7.866.485.920)</u>	<u>23.458.924.626</u>	<u>-</u>	<u>(160.394.938.179)</u>	<u>855.197.500.527</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Công ty chủ yếu là kinh doanh bất động sản. Đồng thời, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do hoạt động của Công ty chỉ thực hiện ở trong lãnh thổ Việt Nam.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	5.602.054.731	38.138.970.753
- Dự án TT Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng	-	38.138.970.753
- Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú	640.644.641	-
- Dự án Chung cư Petroland Quận 2	4.961.410.090	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.106.901.853	14.908.883.530
	22.708.956.583	53.047.854.283
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	6.009.151.500
Chiết khấu hàng bán	3.205.221	-
	3.205.221	6.009.151.500
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.705.751.362	47.038.702.783

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản		
- Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng	11.122.593.662	31.270.787.533
- Dự án Chung cư cao tầng Mỹ Phú	-	31.270.787.533
- Dự án Chung cư Petroland Quận 2	605.180.683	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.517.412.979	-
	11.865.478.477	14.676.109.489
	22.988.072.139	45.946.897.022

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.260.802.738	1.166.079.447
Thu nhập từ bán chứng khoán PSG của PVC-SG	-	445.650.000
	1.260.802.738	1.611.729.447

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	20.840.685.830	25.286.080.175
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.039.656.666	939.711.428
Chi phí tài chính khác	-	16.749.950
	<u>21.880.342.496</u>	<u>26.242.541.553</u>

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nhân viên	5.774.517.005	4.216.271.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.290.140.942	2.712.926.086
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.202.348.071)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.482.755.001	1.136.265.112
Chi phí bằng tiền khác	2.115.823.816	1.264.778.429
	<u>15.663.236.764</u>	<u>8.127.892.752</u>

30. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Thu nhập khác		
Thu từ chi hộ tiền điện nước cho bên thuê	3.275.748.484	2.540.476.215
Thu nhập từ phạt chậm thanh toán	3.364.851.842	667.895.632
Thu nhập từ phạt chậm tiền độ	-	27.286.307.641
Thu nhập khác	308.146.743	151.997.701
	<u>6.948.747.069</u>	<u>30.646.677.189</u>
Chi phí khác		
Chi hộ tiền điện nước cho bên thuê	3.082.052.186	2.530.382.828
Phạt chậm bàn giao căn hộ	24.119.466	-
Phạt thuế giá trị gia tăng	-	3.131.598.754
Phạt chậm thanh toán	-	3.415.565.705
Chi phí khác	193.086.699	531.768.126
	<u>3.299.258.351</u>	<u>9.609.315.413</u>
Lợi nhuận khác	<u>3.649.488.718</u>	<u>21.037.361.776</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Lỗ trước thuế	(32.946.044.945)	(14.539.997.317)
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	374.022.400	3.302.935.240
Thu nhập tính thuế	(32.572.022.545)	(11.237.062.077)
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên doanh thu trừ chi phí. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sẽ được xác định và quyết toán lại khi bàn giao bất động sản theo hướng dẫn Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là số liệu tạm tính. Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Ban Giám đốc xác nhận rằng khoản thuế đã trình bày trong báo cáo tài chính chưa phải là số liệu cuối cùng và tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các qui định bị ảnh hưởng bởi các cách diễn đạt khác nhau, số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính sẽ thay đổi dựa trên quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 157.199.233.871 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 124.627.211.326 đồng) sẽ bù trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do Công ty không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác vì không có chênh lệch đáng kể giữa cơ sở kế toán của các khoản mục tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới các hợp đồng đầu tư dài hạn khác đang thực hiện, chưa hoàn thành liên quan đến góp vốn hợp tác đầu tư dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp với số tiền 12.825.000.000 đồng.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (gồm vốn góp của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lỗ lũy kế).



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	292.897.087.857	301.305.628.880
Trừ: Tiền	14.354.060.742	20.559.872.440
Nợ thuần	278.543.027.115	280.745.756.440
Vốn chủ sở hữu	855.197.500.527	888.143.545.472
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	33%	32%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính và được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.354.060.742	20.559.872.440
Phải thu khách hàng và phải thu khác	360.578.160.409	379.062.001.797
Các khoản ký quỹ, ký cược	84.200.000	404.200.000
	375.016.421.151	400.026.074.237
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	292.897.087.857	301.305.628.880
Phải trả người bán và phải trả khác	155.936.728.278	151.241.498.801
Chi phí phải trả	157.447.625.790	144.128.689.126
Nhận ký quỹ, ký cược	2.282.207.767	2.008.062.447
	608.563.649.692	598.683.879.254

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 50 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ tăng/giảm 1.464.485.439 đồng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2014: 6.544.914.909 đồng)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác vì tiền được nhận trước dựa trên thời hạn thanh toán trên hợp đồng bán hàng. Các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán sẽ được khách hàng tiếp tục thanh toán khi Công ty chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hoàn thành giấy chứng nhận sở hữu.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

MTC

100/C
RÁC
D
1/2/1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

30/6/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.354.060.742	-	14.354.060.742
Phải thu khách hàng và phải thu khác	148.542.903.456	212.035.256.953	360.578.160.409
Các khoản ký quỹ, ký cược	10.000.000	74.200.000	84.200.000
	162.906.964.198	212.109.456.953	375.016.421.151
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	64.552.238.958	228.344.848.899	292.897.087.857
Phải trả người bán và phải trả khác	155.936.728.278	-	155.936.728.278
Chi phí phải trả	86.558.544.752	70.889.081.038	157.447.625.790
Nhận ký quỹ, ký cược	-	2.282.207.767	2.282.207.767
	307.047.511.988	301.516.137.704	608.563.649.692
Chênh lệch thanh khoản thuần	(144.140.547.790)	(89.406.680.751)	(233.547.228.541)
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.559.872.440	-	20.559.872.440
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.345.653.295	190.716.348.502	379.062.001.797
Các khoản ký quỹ	330.000.000	74.200.000	404.200.000
	209.235.525.735	190.790.548.502	400.026.074.237
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	179.093.827.365	122.211.801.515	301.305.628.880
Phải trả người bán và phải trả khác	151.241.498.801	-	151.241.498.801
Chi phí phải trả	144.128.689.126	-	144.128.689.126
Nhận ký quỹ, ký cược	-	2.008.062.447	2.008.062.447
	474.464.015.292	124.219.863.962	598.683.879.254
Chênh lệch thanh khoản thuần	(265.228.489.557)	66.570.684.540	(198.657.805.017)

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Công ty lập kế hoạch tăng cường thu hồi nợ phải thu của khách hàng, chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại một số dự án đầu tư như dự án nhà ở thương mại Trương Bình Hiệp, dự án sân Golf và khu biệt thự sinh thái Nha Trang, bàn giao các diện tích còn lại tại Chung cư Petroland Quận 2 và Trung tâm Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng, để đảm bảo Công ty có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
 Tổng Công ty Dầu Việt Nam
 Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú
 Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang
 Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Cổ đông
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuê văn phòng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	246.360.000	683.680.000
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.261.820.740	4.205.394.245
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	-	123.953.334
Thu nhập từ cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	-	92.479.476
Cho vay hỗ trợ vốn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	2.425.000.000	400.000.000
Chuyển tiền hỗ trợ vốn theo ủy quyền		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	5.500.000.000	-
Thu nhập từ lãi cho vay hỗ trợ vốn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	60.333.333	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	960.622.569	557.847.222
Lương và thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc		
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lương và thu nhập	714.837.271	587.763.630
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ/ niên độ kế toán như sau:		
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	4.991.026.528	4.991.026.528
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	718.508.036	718.508.036
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	2.531.016.722	2.531.016.722
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	18.078.032.985	14.692.410.416
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	11.835.060.161	6.274.726.828
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	103.889.648.551	103.892.497.551
Các khoản ứng trước nhà cung cấp		
Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	4.247.468.085	4.315.900.902




CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	30.243.548.061	27.981.727.321
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>3.004.951.552</u>	<u>2.758.591.552</u>

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 19.503.298.742 đồng (cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014: 21.247.859.705 đồng) là chi phí lãi vay còn phải trả cho ngân hàng và các bên cho vay. Tuy nhiên, tiền lãi vay trả trong kỳ đã bao gồm số tiền 1.337.387.088 đồng (cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014: 140.684.330 đồng) là chi phí lãi vay của năm trước thanh toán trong kỳ này.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

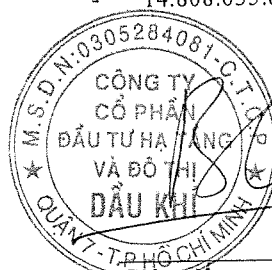
Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Điều chỉnh
Phải thu ngắn hạn khác	136	112.619.036.581	88.679.576.845	(23.939.459.736)
Phải thu dài hạn khác	216	74.200.000	21.267.730.416	21.193.530.416
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.607.397.559	9.353.326.879	2.745.929.320
Phải trả ngắn hạn khác	319	184.145.199.875	169.337.164.066	(14.808.035.809)
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	14.808.035.809	14.808.035.809



Người lập biểu/ Kế toán trưởng
Phạm Thúy Nga



Giám đốc

Bùi Minh Chính

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750

www.deloitte.com/vn

© 2014 Deloitte Việt Nam